

Bản án số: 216/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2019
V/v Tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê T Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Tuyền

2. Ông Lê Anh Thứ.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 331/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Hồng T, sinh năm 1981 – *Có mặt*;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968 – *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: X Đường Huỳnh Tấn Phát, Ấp 5, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Hồ Thị Hồng T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn P tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1998, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bà T vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2017 thì cả hai bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cụ thể là ông P thường xuyên uống rượu, bia về chửi mắng, hành hung bà, có khi dùng dao đe dọa tính mạng bà. Do sợ ảnh hưởng đến tính mạng và tinh thần của các con nên từ tháng 02/2018 đến nay, bà cùng hai con đã ra ngoài thuê phòng trọ ở. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tấn C, sinh ngày 02/10/1998 (đã trưởng thành) và trẻ Nguyễn Tấn B, sinh ngày 08/10/2009. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn P hoàn toàn không có mặt để trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu của mình.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Về hình thức, qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua phân hỏi, tranh luận tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Hồ Thị Hồng T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Do ông P có địa chỉ cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú của ông P cho thấy ông P có đăng ký thường trú và thực tế đang cư trú tại địa chỉ X Đường Huỳnh Tấn Phát, Ấp 5, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn hôm nay.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà Hồ Thị Hồng T xin ly hôn với ông Nguyễn Văn P với lý do ông P thường xuyên ăn nhậu về đánh đập vợ con, cả hai đã sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay mà vẫn không hàn gắn lại được.

Theo kết quả trả lời xác minh ngày 22/3/2019 của Hội liên hiệp phụ nữ xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè cho biết: Từ năm 2017 đến nay bà T không còn

sống chung với ông P tại địa chỉ 40/6 Đường Huỳnh Tấn Phát, Ấp 5, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng cho biết bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông P vào tháng 11/2018 nhưng sau đó rút đơn để tạo điều kiện cho ông P sửa đổi. Tuy nhiên từ sau khi bà rút đơn đến nay, tình trạng vợ chồng vẫn không cải thiện.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với bà T cũng như đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình, tuy nhiên ông P vẫn vắng mặt không lý do. Việc ông P không đến Tòa án làm việc chứng tỏ không còn quan tâm đến gia đình, cũng như không có thiện chí xây dựng hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Thu. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P là hoàn toàn có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T đối với ông Phụng.

[3.2] Về con chung: Bà T yêu cầu nuôi con, tại Bản tự khai của mình trẻ Nguyễn Tấn B cũng trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Xét trẻ Nguyễn Tấn B hiện đang còn nhỏ, lại đang trực tiếp do bà T chăm sóc nuôi dưỡng kể từ lúc hai vợ chồng sống ly thân đến nay nên việc giao con cho bà T tiếp tục nuôi là phù hợp. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có. Nếu sau này ông P có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà T có nghĩa vụ phải nộp, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0033926 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Hồ Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Phụng.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tấn C, sinh ngày 02/10/1998 (đã trưởng thành) và trẻ Nguyễn Tấn B, sinh ngày 08/10/2009. Giao trẻ Tấn Bảo cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có. Nếu sau này ông P có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

2/- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Hồ Thị Hồng T có nghĩa vụ phải nộp, được căn cứ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0033926 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà T đã nộp đủ án phí.

3/- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/- Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ T HIỀN

